HƯỚNG DẪN

TUYỂN SINH ĐẦU CẤP
ỨNG DỤNG BẢN ĐỒ GIS

https://xaphuong-tsdc.hanoi.edu.vn/

NỘI DUNG

I. Quy trình thực hiện

II. Hướng dẫn trực tiếp các nghiệp vụ chính

III. Giải đáp vướng mắc

I. QUY TRÌNH TUYỂN SINH CẤP PHƯỜNG XÃ

GIAI ĐOẠN 1: CHUẨN BỊ DỮ LIỆU TUYỂN SINH

Bước 1: Khai báo danh mục tổ thôn

Bước 2: Rà soát dữ liệu điều tra

- Dữ liệu điều tra trẻ ra lớp MN, L1, L6
- Thông tin trường tuyển sinh, tọa độ trường

Bước 3: Khai báo học sinh tự do (nếu có)

- Khai báo hồ sơ tự do
- Hướng dẫn, xác nhận thông tin học sinh

Bước 4: Ban hành Kế hoạch tuyển sinh

- Khai báo trường tham gia tuyển sinh; Chỉ tiêu tuyển sinh

Bước 5: Thử nghiệm hệ thống

Bước 6: Thống kê

- Tra cứu hồ sơ cuối cấp
- Tra cứu học sinh trên địa bàn
- Tra cứu khoảng cách của học sinh

GIAI ĐOẠN 2: ĐĂNG KÝ TUYỂN SINH

Bước 1: Chỉ đạo công tác tuyển sinh trực tuyến, trực tiếp;

- Tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ PHHS tuyển sinh trực tuyến có ứng dụng bản đồ số GIS

Bước 2: Tra cứu, tổng hợp hồ sơ tuyển sinh của các trường trên địa bàn;

- Đề xuất tuyển sinh bổ sung cho các trường thiếu chỉ tiêu;

Bước 3: Tổng hợp Kết quả tuyển sinh báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo

CÁC CÔNG VIỆC ĐÃ TRIỂN KHAI

- ✓ Chuẩn hóa danh mục Tổ/Thôn/Khu phố
- ✓ Xác nhận vị trí tọa độ trường
- ✓ Khai báo danh sách học sinh tự do
- ✓ Khai báo danh sách trường tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh

Chuẩn hóa danh mục Tổ/Thôn/Khu phố (Mục 1.1)

1.1. Tổ thôn, khu phố

Trạng thái: Sử dụng

Tìm kiếm: Nhập mã khu phố hoặc tên khu phố

ID		STT	Mã khu phố	Tên khu phố
1	☐	1	1013701002	Thôn Giang Xá
2	☐	2	1013701003	Thôn Yên Vĩnh
3	☐	3	1013701005	Thôn Đại Tự
4	☐	4	1013701006	Thôn Yên Bệ
5	☐	5	1013701008	Thôn Lai Xá
6	☐	6	1013701009	Thôn Cao Hạ
7	☐	7	1013701010	Thôn Cao Trung
8	☐	8	1013701011	Thôn Lưu Xá
9	☐	9	1013701012	Thôn Lũng Kênh

Xác nhận vị trí tọa độ trường (Mục 1.6)

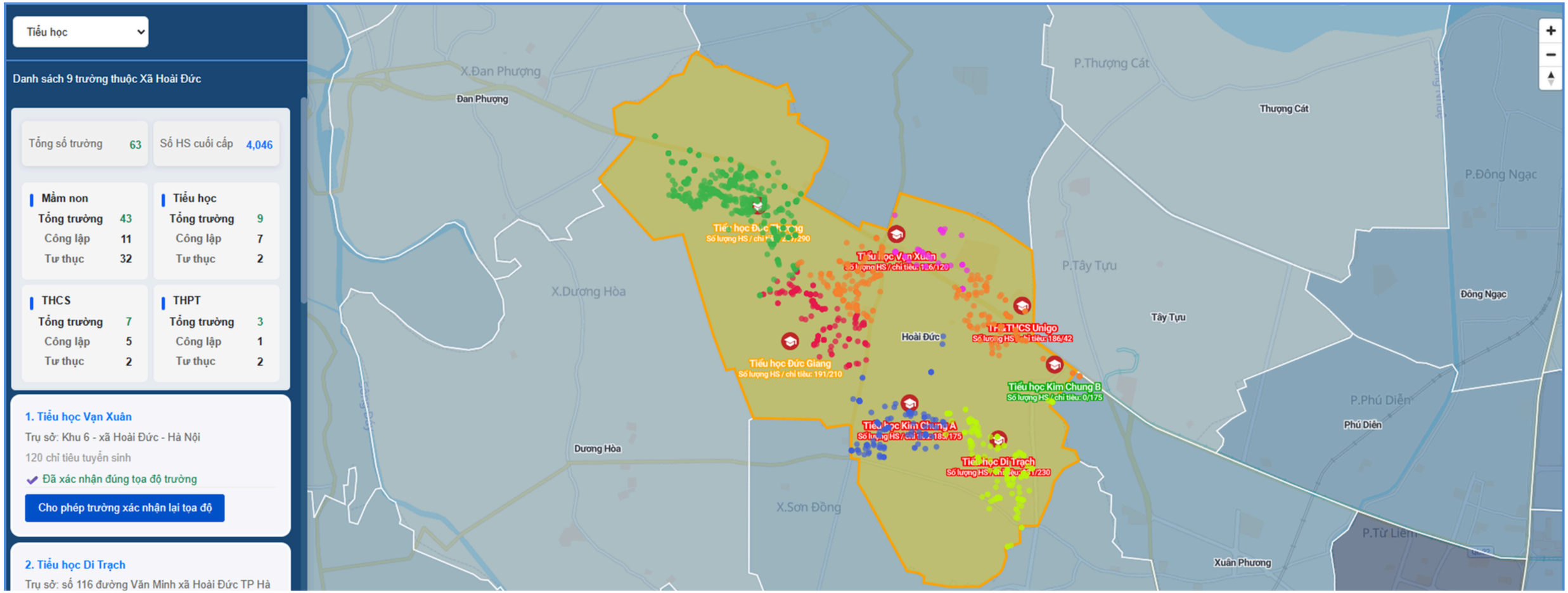

Sau khi đơn vị nhà trường cập nhật vị trí , xã phường thực hiện xác nhận vị trí tọa độ trường trong công tác tuyển sinh GIS.

Khai báo danh sách học sinh tự do (Mục 2.2.)

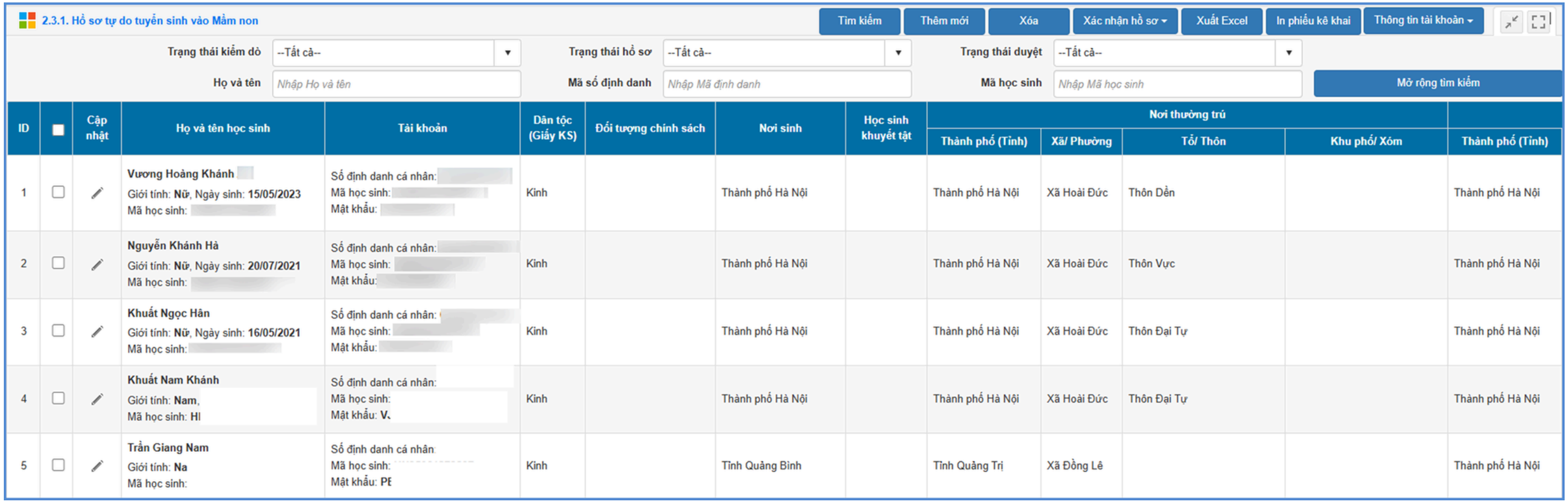

ID		Cập nhật	Họ và tên học sinh	Tài khoản	Dân tộc (Giấy KS)	Đối tượng chính sách	Nơi sinh	Học sinh khuyết tật	Nơi thường trú				
									Thành phố (Tỉnh)	Xã/ Phường	Tổ/ Thôn	Khu phố/ Xóm	Thành phố (Tỉnh)
1	☐	✎	Vương Hoàng Khánh Giới tính: Nữ, Ngày sinh: 15/05/2023 Mã học sinh:	Số định danh cá nhân: Mã học sinh: Mật khẩu:	Kinh		Thành phố Hà Nội		Thành phố Hà Nội	Xã Hoài Đức	Thôn Dền		Thành phố Hà Nội
2	☐	✎	Nguyễn Khánh Hà Giới tính: Nữ, Ngày sinh: 20/07/2021 Mã học sinh:	Số định danh cá nhân: Mã học sinh: Mật khẩu:	Kinh		Thành phố Hà Nội		Thành phố Hà Nội	Xã Hoài Đức	Thôn Vực		Thành phố Hà Nội
3	☐	✎	Khuất Ngọc Hân Giới tính: Nữ, Ngày sinh: 16/05/2021 Mã học sinh:	Số định danh cá nhân: Mã học sinh: Mật khẩu:	Kinh		Thành phố Hà Nội		Thành phố Hà Nội	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự		Thành phố Hà Nội
4	☐	✎	Khuất Nam Khánh Giới tính: Nam, Mã học sinh: HI	Số định danh cá nhân: Mã học sinh: Mật khẩu: V.	Kinh		Thành phố Hà Nội		Thành phố Hà Nội	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự		Thành phố Hà Nội
5	☐	✎	Trần Giang Nam Giới tính: Na Mã học sinh:	Số định danh cá nhân Mã học sinh: Mật khẩu: PE	Kinh		Tỉnh Quảng Bình		Tỉnh Quảng Trị	Xã Đồng Lê			Thành phố Hà Nội

Thực hiện khai báo danh sách học sinh tự do (học sinh trong độ tuổi nhưng chưa tham gia học tập tại CSGD nào trên địa bàn) tại chức năng 2. Tra cứu hồ sơ tuyển sinh/2.2. Hồ sơ tự do.

CÔNG VIỆC CẦN HOÀN THÀNH TRƯỚC MỖI ĐỢT PHHS ĐĂNG KÝ

1. Rà soát chính xác danh sách trường tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh
2. Đánh giá bức tranh tuyển sinh trên địa bàn (thừa/thiếu - quá tải cục bộ) → Báo cáo Sở GDĐT
3. Hệ thống chạy tự động phân bổ học sinh (theo tiêu chí khoảng cách)
4. Thực hiện điều tiết phân bổ thủ công

1 Rà soát chính xác danh sách trường, chỉ tiêu tuyển sinh (Mục 3.1.1)

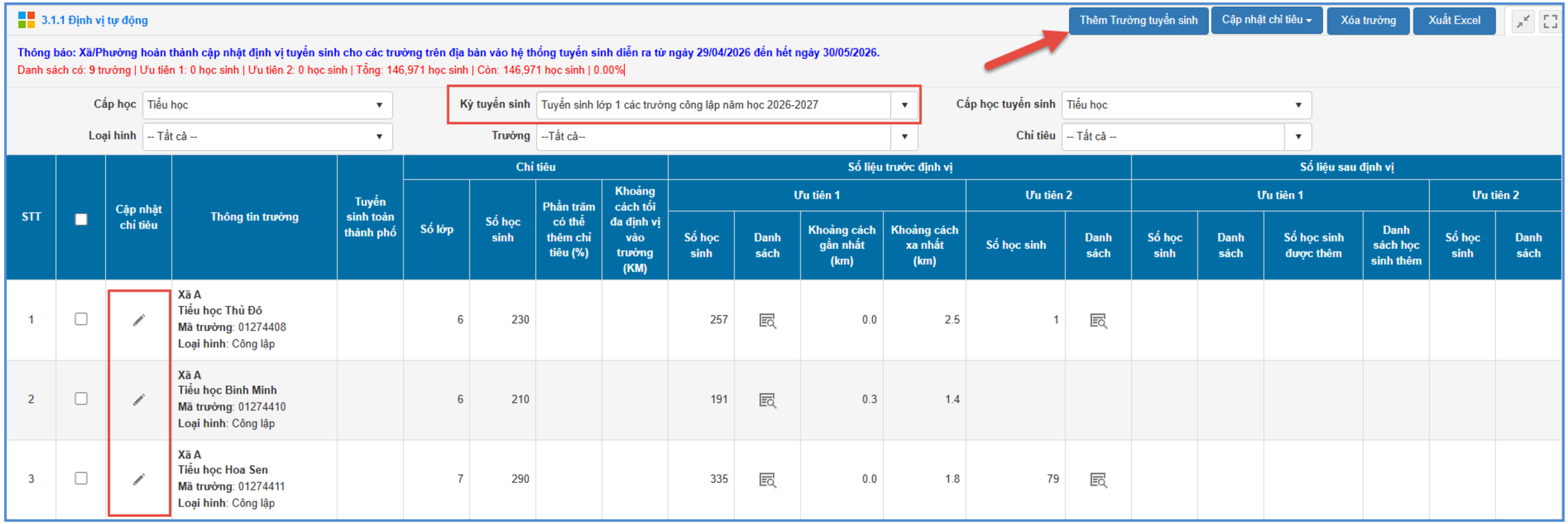

Lưu ý:

- Đây là chức năng quan trọng để đảm bảo việc định vị khoảng cách được chính xác theo trường và chỉ tiêu.
- Chỉ khai báo các trường vào kỳ tuyển sinh tương ứng và có được giao chỉ tiêu.
- Trường hay điểm trường không có chỉ tiêu sẽ không khai báo vào kỳ tuyển sinh đó.

2 Đánh giá bức tranh tuyển sinh trên địa bàn (thừa/thiếu - quá tải cục bộ) - Mục 2.3

Tìm kiếm | Xuất Excel

Cấp học đăng ký tuyển sinh: Vào lớp 1
Xã/Phường trường cuối cấp: --Tất cả--
Trường cuối cấp: Chọn Trường
Lớp:
Kiểm dò: --Tất cả--
Trạng thái hồ sơ: --Tất cả--
Họ và tên: Nhập Họ và tên
Số định danh cá nhân: Nhập Số định danh cá nhân
Loại thí sinh: --Tất cả--
Trạng thái định danh: --Tất cả--

STT		Xem	Thông tin học sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường cuối cấp	Xã/Phường trường cuối cấp	Tự do	Số định danh cá nhân	Số nhà/Đường/Ngõ/Ngách
1	☐	Xem	**Đào D****** Giới tính: **Nữ**, Ngày sinh: **27/09/2020** Mã định danh Bộ GD&ĐT:	Thành phố Hà Nội		Mầm non Phúc Đồng				H1-1
2	☐	Xem	**Đỗ B***** Giới tính: **Nữ**, Ngày sinh: **25/03/2020** Mã định danh Bộ GD&ĐT:	Thành phố Hà Nội		Mầm non Tân Mai				Số n
3	☐	Xem	**Đồng Vũ******** Giới tính: **Nữ**, Ngày sinh: **15/01/2020** Mã định danh Bộ GD&ĐT:	Thành phố Hà Nội		Mầm non Hoa Sữa				Số 5
4	☐	Xem	**Lê T***** Giới tính: **Nữ**, Ngày sinh: **04/11/2020**	Thành phố Hà Nội		Mầm non Ban Mai Xanh				CH A

2 Đánh giá bức tranh tuyển sinh trên địa bàn (thừa/thiếu - quá tải cục bộ) - Mục 1.6

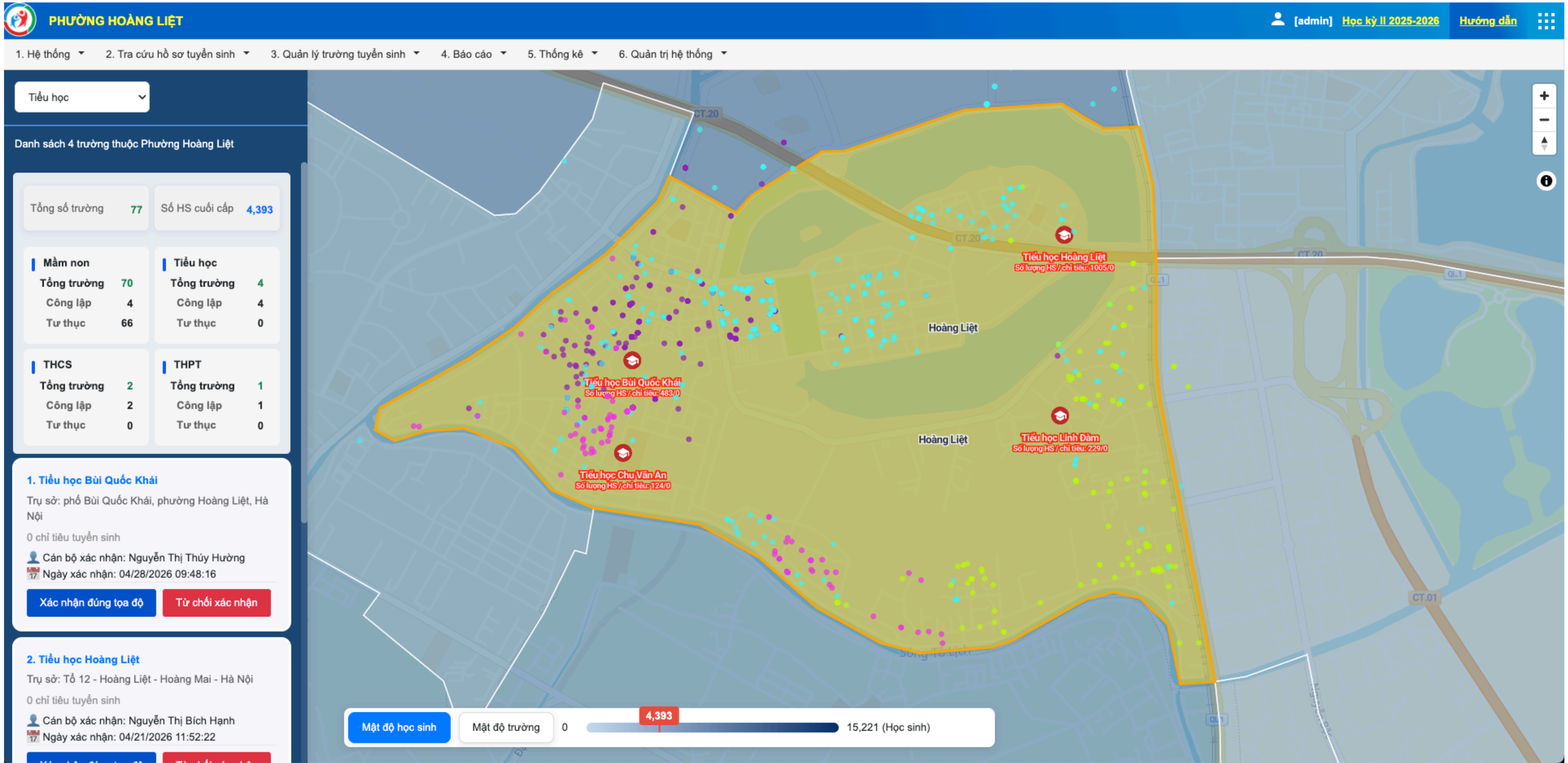

2 Đánh giá bức tranh tuyển sinh trên địa bàn - Mục 5.5.1

. Thống kê số lượng tuyển sinh ưu tiên 1, ưu tiên 2 dự kiến (trước định vị)

Tìm kiếm | Xuất Excel

Cấp học: Tiểu học | Loại hình: Công lập | Trường: --Tất cả--

STT	Mã trường	Tên trường	Chỉ tiêu		Số liệu thống kê							Thừa/Thiếu (6) = (5) - (1)
			Số học sinh trên địa bàn (0)	Chỉ tiêu được giao (1)	Số học sinh gần nhất cùng xã (2)	Số học sinh trên địa bàn gần xã khác hơn (3)	Số học sinh xã khác gần địa bàn (4)	Số học sinh chưa xếp trường (7) = (0) - (2)	Số học sinh dự kiến (5) = (2) - (3) + (4)	Khoảng cách đi học gần nhất (km)	Khoảng cách đi học xa nhất (km)	
1		TỔNG SỐ	1,547	1,410	1,547	14	225		1,758			Thừa 348
2	01274408	Tiểu học ABC		230	257	14	1		244	0.0	2.5	Thừa 14
3	01274410	Tiểu học Thủ đô		210	191				191	0.3	1.4	Thiếu 19
4	01274411	Tiểu học Quảng Bá		290	335		79		414	0.0	1.8	Thừa 124
5	01274414	Tiểu học Hùng An		175	284		20		304	0.2	2.0	Thừa 129

5.5.1. Thống kê số lượng tuyển sinh dự kiến trước chỉ tiêu: Dựa vào danh sách học sinh có vị trí đến trường gần nhất trước định vị và biểu thống kê này để nắm bắt số liệu *"dự kiến"* thừa thiếu học sinh vào từng trường trên địa bàn.

2 Đánh giá bức tranh tuyển sinh trên địa bàn (thừa/thiếu - quá tải cục bộ) - Mục 2.3

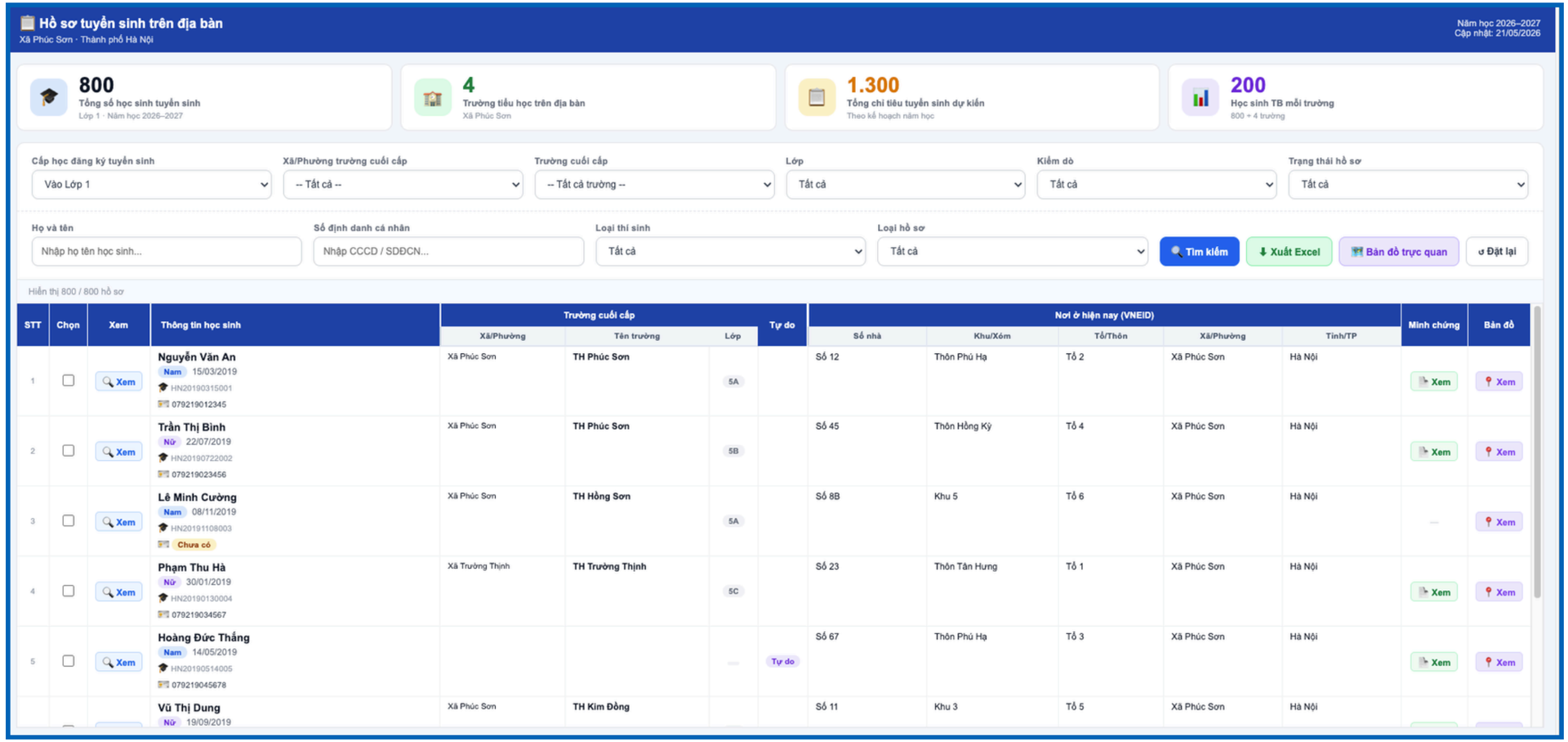

- Số lượng học sinh tham gia tuyển sinh trên địa bàn - theo từng cấp học
- Tổng chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến theo kế hoạch
- Mật độ phân bổ học sinh trên địa bàn so với vị trí các nhà trường

Phần mềm đang tiếp tục thực hiện cải tiến chức năng giúp CBQL Xã/Phượng thuận tiện hơn trong việc đánh giá bức tranh tuyển sinh trên địa bàn

3 Hệ thống chạy tự động phân bổ học sinh

. Thống kê số lượng tuyển sinh ưu tiên 1, ưu tiên 2 dự kiến (trước định vị)

Tìm kiếm | Xuất Excel

Cấp học: Tiểu học | Loại hình: Công lập | Trường: --Tất cả--

STT	Mã trường	Tên trường	Chỉ tiêu		Số liệu thống kê							Thừa/Thiếu (6) = (5) - (1)
			Số học sinh trên địa bàn (0)	Chỉ tiêu được giao (1)	Số học sinh gần nhất cùng xã (2)	Số học sinh trên địa bàn gần xã khác hơn (3)	Số học sinh xã khác gần địa bàn (4)	Số học sinh chưa xếp trường (7) = (0) - (2)	Số học sinh dự kiến (5) = (2) - (3) + (4)	Khoảng cách đi học gần nhất (km)	Khoảng cách đi học xa nhất (km)	
1		TỔNG SỐ	1,547	1,410	1,547	14	225		1,758			Thừa 348
2	01274408	Tiểu học ABC		230	257	14	1		244	0.0	2.5	Thừa 14
3	01274410	Tiểu học Thủ đô		210	191				191	0.3	1.4	Thiếu 19
4	01274411	Tiểu học Quảng Bá		290	335		79		414	0.0	1.8	Thừa 124
5	01274414	Tiểu học Hùng An		175	284		20		304	0.2	2.0	Thừa 129

5.5.2. Thống kê số lượng tuyển sinh dự kiến sau chỉ tiêu: Biểu thống kê đưa ra số liệu học sinh dự kiến vào các trường trên địa bàn theo chỉ tiêu đã giao. Trong trường hợp Thừa/Thiếu chỉ tiêu. Cán bộ Xã/Phường căn cứ kế hoạch tuyển sinh để cập nhật lại chỉ tiêu hoặc quy định khoảng cách đến trường và định vị lại vị trí tại chức năng 3.1.1. Định vị tự động.

3 Hệ thống chạy tự động phân bổ học sinh

Điều tiết phân bổ học sinh

Xã Phúc Sơn · Huyện Ứng Hòa · Hà Nội · Lớp 1 · Năm học 2026–2027

Lần phân bổ gần nhất: **20/05/2026 08:30**
Thuật toán GIS khoảng cách

Dữ liệu phân bổ tự động (GIS khoảng cách)
Hệ thống đã tự động phân bổ học sinh vào trường gần nhất trên địa bàn dựa theo tọa độ cư trú. Đây là dữ liệu tham khảo **hỗ trợ công tác phân tuyến** của Xã/Phường — không phải quyết định cuối cùng. Xã/Phường có thể **xem lại, điều tiết thủ công hoặc chạy lại phân bổ** với cấu hình khác.

Chạy lại phân bổ

1.125 / 1.300
Tổng HS địa bàn / Tổng chỉ tiêu
Tỷ lệ lấp đầy: **86.5%**
Còn chỉ tiêu: **175 HS**

1.251
Tổng HS đã được phân bổ
Trong địa bàn: **1.125 HS**
Xã/phường lân cận vào: **126 HS**

12 HS
Vượt chỉ tiêu · cần điều tiết
Tại TH Hồng Sơn: **12 HS**
→ Điều tiết ngay

2 / 1 / 1
Trường: Còn CT / Vượt CT / Đủ CT
Còn chỉ tiêu: **TH Phúc Sơn, TH Kim Đồng**
Vượt chỉ tiêu: **TH Hồng Sơn**

4 trường · 1.251 HS đã phân bổ

Xem DS học sinh được phân bổ | Điều tiết thủ công | Chạy lại phân bổ

Danh sách nhà trường tuyển sinh

Click vào dòng để xem chi tiết học sinh

TÊN TRƯỜNG / MÃ	TỔNG CHỈ TIÊU	HS TRONG XÃ VÀO	HS XÃ LÂN CẬN VÀO	HS GIÁP RANH SANG XÃ KHÁC	KHOẢNG CÁCH (KM)	TÌNH TRẠNG
TH Phúc Sơn Mã: 3004449	350	298	45	*12 (tham khảo)*	Gần nhất: **0.3 km** Xa nhất: **2.1 km** Trung bình: **1.1 km**	Còn 7 HS
TH Hồng Sơn Mã: 3004450	300	312	25	*8 (tham khảo)*	Gần nhất: **0.4 km** Xa nhất: **2.3 km** Trung bình: **1.2 km**	Vượt 12 HS (4%)
TH Tam Hiệp Mã: 3004451	350	310	38	*15 (tham khảo)*	Gần nhất: **0.5 km** Xa nhất: **2.5 km** Trung bình: **1.3 km**	Còn 2 HS
TH Kim Đồng Mã: 3004452	300	205	18	*6 (tham khảo)*	Gần nhất: **0.6 km** Xa nhất: **2.8 km** Trung bình: **1.5 km**	Còn 77 HS

Bản đồ phân bổ học sinh

Xã Phúc Sơn

HS đã phân bổ · Vượt chỉ tiêu · HS lân cận · Trường

© 2026 – Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội · Hệ thống tuyển sinh đầu cấp GIS

Chức năng đang được nâng cấp bổ sung - Hỗ trợ Xã/Phường trong công tác Điều tiết phân bổ học sinh

3 Xã/Phường chủ động cấu hình chạy phân bổ tự

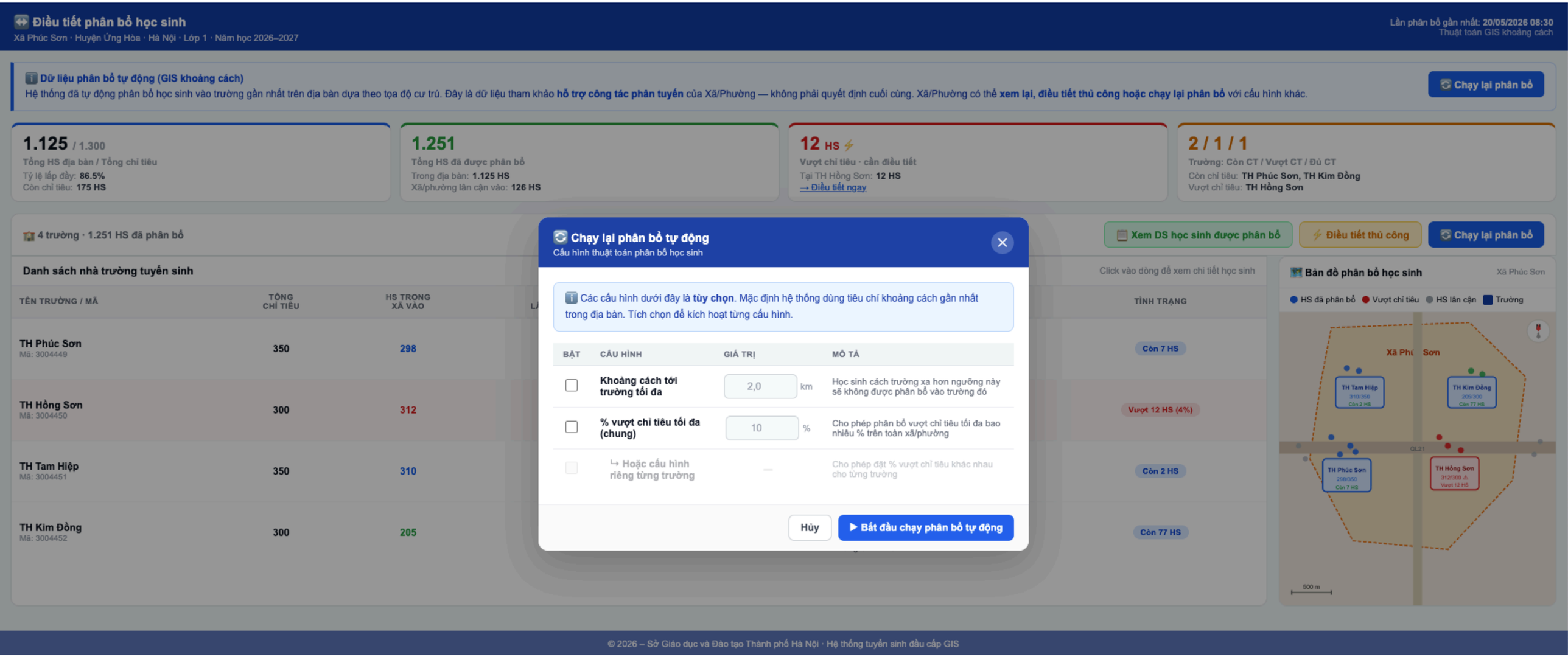

Chức năng đang được nâng cấp bổ sung - Hỗ trợ Xã/Phường trong công tác Điều tiết phân bổ học sinh

4 Thực hiện điều tiết phân bổ thủ công

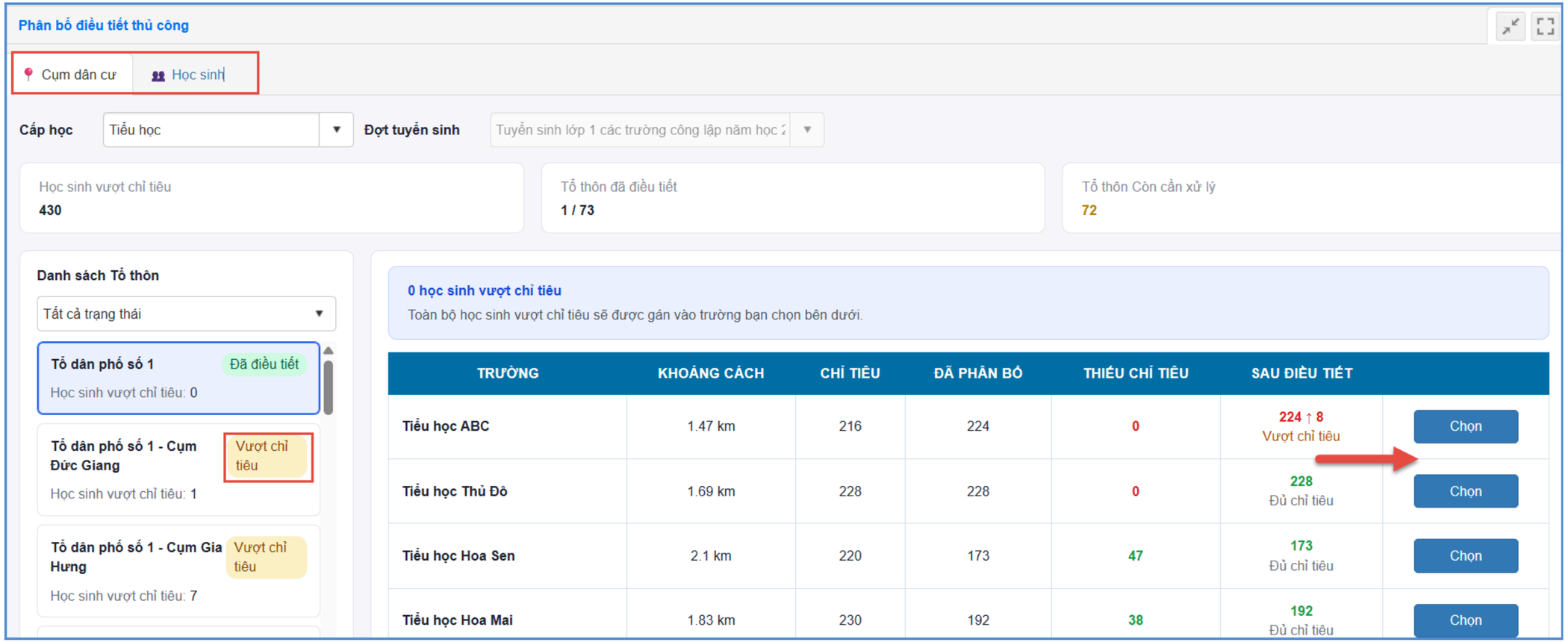

Điều tiết thủ công: Đối với học sinh thuộc diện vượt chỉ tiêu, Xã/Phường có thể điều chuyển thủ công học sinh sang các trường còn đủ chỉ tiêu trên địa bàn.

Hệ thống hỗ trợ hiển thị khoảng cách đến trường, chỉ tiêu và số lượng đã phân bổ để phục vụ công tác điều tiết phù hợp.

5 Một số tiện ích Tra cứu - Thống kê

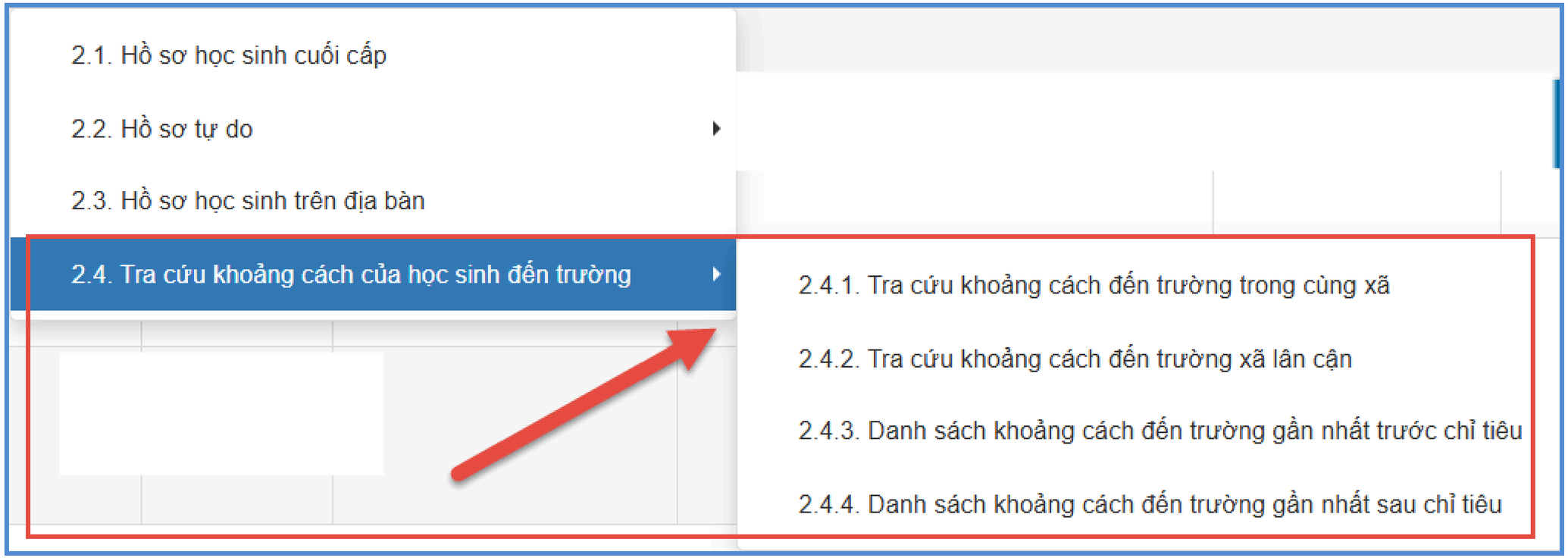

Tại chức năng tra cứu hồ sơ tuyển sinh, cán bộ xã phường sẽ thực hiện tra cứu hồ sơ về:

- **Hồ sơ học sinh cuối cấp:** Danh sách học sinh cuối cấp tại các trường trên địa bàn.
- **Hồ sơ tự do:** Khai báo hồ sơ tự do các cấp trên địa bàn.
- **Tra cứu hồ sơ trên địa bàn:** Danh sách hồ sơ cuối cấp và hồ sơ tự do trên địa bàn.
- **Tra cứu khoảng cách của học sinh đến trường:** Tra cứu và tổng hợp danh sách hồ sơ trước và sau chỉ tiêu.

5 Một số tiện ích Tra cứu - Thống kê

Tìm kiếm | Xuất Excel

Cấp học tuyển sinh: Tiểu học | Định vị: --Tất cả-- | Họ và tên: Nhập Họ và tên | Số định danh: Nhập Số định danh cá nhân

Kiểm tra định vị: --Tất cả-- | Xếp trường: --Tất cả-- | Trường: --Tất cả-- | Khoảng cách đến trường (Km): Từ Km – Đến Km

STT	Số định danh cá nhân	Họ và tên	Nơi ở hiện nay				Tên Trường cuối cấp	Trường tuyển	
			Xã/phường nơi ở hiện nay	Tổ/ Thôn	Khu phố/ Xóm	Số nhà/ đường/ ngõ/ ngách		Mã Trường	Tên Trường
1		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
2		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
3		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
4		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
5		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
6		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
7		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
8		Nguyễn Quang Khải An	Xã Hoài Đức	Tổ dân phố Trạm Trôi	Khu 7		Nhóm trẻ ĐL Học Viện Bé Ngoan		
9		Nguyễn Quang Khải An	Xã Hoài Đức	Tổ dân phố Trạm Trôi	Khu 7		Nhóm trẻ ĐL Học Viện Bé Ngoan		
10		Nguyễn Quang Khải An	Xã Hoài Đức	Tổ dân phố	Khu 7		Nhóm trẻ ĐL Học Viện Bé Ngoan		

Tra cứu khoảng cách đến trường cùng xã: Tra cứu khoảng cách từ vị trí khai báo đến các trường trong địa bàn Xã/Phường.

5 Một số tiện ích Tra cứu - Thống kê

Tìm kiếm | Xuất Excel

Cấp học tuyển sinh: Tiểu học | Định vị: --Tất cả-- | Họ và tên: Nhập Họ và tên | Số định danh: Nhập Số định danh cá nhân

Kiểm tra định vị: --Tất cả-- | Xếp trường: --Tất cả-- | Trường: --Tất cả-- | Khoảng cách đến trường (Km): Từ Km – Đến Km

STT	Số định danh cá nhân	Họ và tên	Nơi ở hiện nay				Tên Trường cuối cấp	Trường tuyển	
			Xã/phường nơi ở hiện nay	Tổ/ Thôn	Khu phố/ Xóm	Số nhà/ đường/ ngõ/ ngách		Mã Trường	Tên Trường
1		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
2		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
3		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
4		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
5		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
6		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
7		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
8		Nguyễn Quang Khải An	Xã Hoài Đức	Tổ dân phố Trạm Trôi	Khu 7		Nhóm trẻ ĐL Học Viện Bé Ngoan		
9		Nguyễn Quang Khải An	Xã Hoài Đức	Tổ dân phố Trạm Trôi	Khu 7		Nhóm trẻ ĐL Học Viện Bé Ngoan		
10		Nguyễn Quang Khải An	Xã Hoài Đức	Tổ dân phố	Khu 7		Nhóm trẻ ĐL Học Viện Bé Ngoan		

Tra cứu khoảng cách đến trường xã lân cận: Tra cứu khoảng cách từ vị trí khai báo đến trường thuộc Xã/Phường lân cận, giáp ranh.

5 Một số tiện ích Tra cứu - Thống kê

Tìm kiếm | Xuất Excel

Cấp học tuyển sinh: Tiểu học | Định vị: --Tất cả-- | Họ và tên: Nhập Họ và tên | Số định danh: Nhập Số định danh cá nhân

Kiểm tra định vị: --Tất cả-- | Xếp trường: --Tất cả-- | Trường: --Tất cả-- | Khoảng cách đến trường (Km): Từ Km – Đến Km

STT	Số định danh cá nhân	Họ và tên	Nơi ở hiện nay				Tên Trường cuối cấp	Trường tuyển	
			Xã/phường nơi ở hiện nay	Tổ/ Thôn	Khu phố/ Xóm	Số nhà/ đường/ ngõ/ ngách		Mã Trường	Tên Trường
1		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
2		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
3		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
4		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
5		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
6		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
7		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
8		Nguyễn Quang Khải An	Xã Hoài Đức	Tổ dân phố Trạm Trôi	Khu 7		Nhóm trẻ ĐL Học Viện Bé Ngoan		
9		Nguyễn Quang Khải An	Xã Hoài Đức	Tổ dân phố Trạm Trôi	Khu 7		Nhóm trẻ ĐL Học Viện Bé Ngoan		
10		Nguyễn Quang Khải An	Xã Hoài Đức	Tổ dân phố	Khu 7		Nhóm trẻ ĐL Học Viện Bé Ngoan		

Danh sách khoảng cách đến trường gần nhất trước chỉ tiêu: Tra cứu danh sách học sinh đến trường gần nhất (bao gồm trường trong địa bàn và giáp ranh) trước khi định vị theo chỉ tiêu.

5 Một số tiện ích Tra cứu - Thống kê

Tìm kiếm | Xuất Excel

Cấp học tuyển sinh: Tiểu học | Định vị: --Tất cả-- | Họ và tên: Nhập Họ và tên | Số định danh: Nhập Số định danh cá nhân

Kiểm tra định vị: --Tất cả-- | Xếp trường: --Tất cả-- | Trường: --Tất cả-- | Khoảng cách đến trường (Km): Từ Km – Đến Km

STT	Số định danh cá nhân	Họ và tên	Nơi ở hiện nay				Tên Trường cuối cấp	Trường tuyển	
			Xã/phường nơi ở hiện nay	Tổ/ Thôn	Khu phố/ Xóm	Số nhà/ đường/ ngõ/ ngách		Mã Trường	Tên Trường
1		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
2		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
3		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
4		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
5		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
6		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
7		Đinh Văn Bình An	Xã Hoài Đức	Thôn Đại Tự			Mầm non Kim Chung A		
8		Nguyễn Quang Khải An	Xã Hoài Đức	Tổ dân phố Trạm Trôi	Khu 7		Nhóm trẻ ĐL Học Viện Bé Ngoan		
9		Nguyễn Quang Khải An	Xã Hoài Đức	Tổ dân phố Trạm Trôi	Khu 7		Nhóm trẻ ĐL Học Viện Bé Ngoan		
10		Nguyễn Quang Khải An	Xã Hoài Đức	Tổ dân phố	Khu 7		Nhóm trẻ ĐL Học Viện Bé Ngoan		

Danh sách khoảng cách đến trường gần nhất sau chỉ tiêu: Tra cứu danh sách học sinh đến trường gần nhất (bao gồm trường trong địa bàn và giáp ranh) sau khi định vị theo chỉ tiêu.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

THÔNG TIN HỖ TRỢ

Nhóm hỗ trợ dành cho Xã Phường

Hỗ trợ trực tuyến

UltraViewer

Tổng đài

1900 4740

(Trong giờ hành chính)

Nhóm TS Hà Nội dành cho Xã Phường